TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12** /2025/HNGĐ-ST
Ngày: **30-12-2025**
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Gia Phượng
2. Ông Nguyễn Phúc Hiếu

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 2000
Địa chỉ: Khu D, xã X, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh **Trần Minh Q**, sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu D, xã X, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang ở tại Nhật Bản
(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn ngày 04/3/2024 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã X, tỉnh Phú Thọ). Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng tại khu D, xã X. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay, hai vợ chồng sống ly thân, chị cùng con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Đức P, sinh ngày 13/7/2024. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu P, không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Minh Q hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ cụ thể. Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Q thông qua bà Trần Thị C, là mẹ đẻ của anh Q, tuy nhiên đến nay anh Q chưa có bất kỳ quan điểm gì gửi cho Tòa án.

Đồng thời Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ :

- Tại biên bản làm việc ngày 11/11/2025 của Tòa án với bà Trần Thị C, bà C trình bày: Con trai bà là anh Trần Minh Q đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Thu T ngày 04/3/2024 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (nay là xã X, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở cùng với gia đình bà tại khu D, xã X. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng tháng 8 năm 2024, chị T cùng con trai của anh chị là Trần Đức P về nhà mẹ đẻ của chị T tại P sinh sống. Từ đó đến nay, chị T và anh Q ly thân. Hiện nay anh Q đang đi lao động tại Nhật Bản. Tuy nhiên địa chỉ cụ thể của anh Q bên N thì bà không biết. Anh Q vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Về việc chị T xin ly hôn, sau khi nhận thay anh Q thông báo về việc giải quyết ly hôn của Toà án, bà C đã thông báo ngay cho anh Q, anh Q nói với gia đình là anh không muốn ly hôn nhưng chị T xin ly hôn thì anh cũng đành chịu. Về con chung: Anh Q và chị T có 01 con chung là cháu Trần Đức P, hiện cháu đang ở với chị T.

- Tại biên bản làm việc ngày 11/11/2025 của Tòa án với UBND xã X thể hiện: chị T và anh Q đăng ký kết hôn ngày 04/3/2024 tại UBND xã X. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình chồng tại khu D, xã X, anh chị có 01 con chung là cháu Trần Đức P, sinh ngày 13/7/2024. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn nên khoảng tháng 8 năm 2024 thì chị T và cháu P đã về nhà đẻ của chị T sinh sống. Hiện nay anh Q đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản.

- Ngày 27/11/2025, Toà án có công văn gửi Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh P để xác minh thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Trần Minh Q. Tại công văn số 869 ngày 28/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh P có thông tin: Trường hợp trên được Cục Q1 - Bộ C1 cấp hộ chiếu lần gần nhất số E02329291 ngày 08/8/2024, hạn đến 08/8/2034; có lịch sử xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 11/10/2025 qua cảng hàng không quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh.

- Ông Nguyễn Trung T1, sinh năm 1967, ở xã P, thị xã P (là bố đẻ của chị Nguyễn Thị Thu T) trình bày: Hiện chị T và cháu P về ở cùng vợ chồng ông T1 do chị T và anh Q mâu thuẫn, ông đảm bảo việc cung cấp chỗ ở lâu dài cho chị T và cháu P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Minh Q.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đức P, sinh ngày 13/7/2024 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 án phí ly hôn sơ thẩm

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Minh Q. Bị đơn là anh Trần Minh Q có đăng ký thường trú tại khu D, xã X, tỉnh Phú Thọ. Tại văn bản số 869/QLXNC-Đ1 ngày 28/11/2025 của Phòng Q2 - Công an tỉnh P xác nhận: "Công dân Trần Minh Q, đã xuất cảnh ngày 11/10/2025, hiện chưa có thông tin nhập cảnh". Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Q không đến Tòa án làm việc vì vậy Thẩm phán chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp xác định: Chị Nguyễn Thị Thu T có đăng ký kết hôn với anh Trần Minh Q vào ngày 04/3/2024 tại UBND xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã X, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc là có thật. Đây là cuộc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương xác định vợ chồng chị T và anh Q

có phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trần Minh Q xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Đức P, sinh ngày 13/7/2024. Hiện cháu đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Chị T hiện đang làm tự do, thu nhập ổn định, bố mẹ đẻ chị T đồng ý đảm bảo chỗ ở ổn định cho chị T và cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy nguyện vọng của chị T là chính đáng, đồng thời anh Q cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh. Vì vậy cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là có căn cứ và phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp gia đình: Chị Nguyễn Thị T2 trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Q vắng mặt nên không có lời trình bày, do đó không biết các quan hệ trên có hay không. Do vậy, khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật. Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trần Minh Q.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đức P, sinh ngày 13/7/2024 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên. Anh Trần Minh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004368 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự tại Việt Nam vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Hà